TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/8/2017
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ-TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hưng.

2. Bà Nguyễn Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huynh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Cẩm Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ch, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Ph, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03 tháng 3 năm 2017 và lời khai tại Tòa án ngày 03/5/2017, ngày 09/6/2017, nguyên đơn chị Phạm Thị Ch trình bày: Chị và anh Bùi Văn Ph kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 8 năm 1987, tại Ủy ban nhân dân Xã M, thị xã T, tỉnh L - T (cũ) nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T. Trước khi

kết hôn chị, anh có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng hai năm, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1998 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh Ph không tin tưởng nhau mà luôn nghi ngờ lẫn nhau, anh Ph thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Đã nhiều lần chị viết đơn khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn với anh Ph, cụ thể là năm 1998 và năm 2004, những lần đó anh Ph hứa sửa chữa lỗi lầm, vợ chồng về đoàn tụ với mục đích nuôi dạy con trưởng thành và phát triển kinh tế gia đình. Nhưng anh Ph không sửa chữa được khuyết điểm mà còn tiếp tục đánh đập chị Ch, nên năm 2015 chị tiếp tục viết đơn xin ly hôn với anh Ph, Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà đã xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, chị Ch được ly hôn với anh Ph, anh Ph có đơn kháng cáo, cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của anh Ph, không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ph của chị Ch. Kể từ đó cho đến nay, anh chị không còn chung sống cùng với nhau nữa mà sống ly thân, tự thỏa thuận phân chia tài sản, ăn riêng và không quan tâm chăm sóc nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Bùi Văn Ph.

-Về con chung: Các con của anh, chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn Ph, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không nhận cho nên Tòa án phải tống đạt bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện có báo lại và bị đơn đã nhận được. Sau đó, Tòa án tống đạt Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không chịu nhận, Tòa án phải lập biên bản về việc bị đơn cố tình không nhận các văn bản tố tụng, để tiến hành lập biên bản niêm yết theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng các lần đó anh Ph vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 25/7/2017 đã bị hoãn do bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa lần này, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Phạm Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, qua hai lần Tòa án hòa giải thì anh Ph cố tình vắng mặt, nên về quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh Ph không thể thỏa thuận thuận tình ly hôn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự:

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Ch có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết việc ly hôn của anh, chị. Đây là quan hệ xin ly hôn và anh, chị đều có hộ khẩu thường trú, sinh sống tại Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét về phía bị đơn anh Bùi Văn Ph, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện có báo lại và bị đơn đã nhận được, nhưng không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án, cũng như các lần nhận được giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều hợp lệ, nhưng bị đơn không chấp hành, các lần đều vắng mặt không có lý do, nên đã gây khó khăn, kéo dài trong việc giải quyết vụ án. Mặt khác bị đơn cũng không cung cấp được các loại giấy tờ gì liên quan đến việc có đồng ý ly hôn hay không. Do đó, bị đơn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả của mình khi không cung cấp chứng cứ, bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán và các quy định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Thẩm phán đã xem xét thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 68 BLTTDS. Đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 93, 96, 97, 98 của BLTTDS.

Trình tự thụ lý, giải quyết đã gửi, cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Tuy nhiên việc gửi thông báo thụ lý cho bị đơn còn chậm theo quy định tại Điều 196 BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày hôm nay, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không tham gia các phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù Tòa án đã cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ch. Chị Phạm Thị Ch được ly hôn với anh Bùi Văn Ph. Về con chung, về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: thực hiện theo quy định.

[2].Về nội dung:

[2.1] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ch và anh Bùi Văn Ph kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết vào ngày 21/8/1987 tại Ủy ban nhân dân Xã M, thị xã T, tỉnh L - T theo quy định. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh Ph là hợp pháp. Tại phiên tòa chị Phạm Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn Ph, nên được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Xét thấy: Quá trình chung sống thì chị Ch và anh Ph sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1998 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị Ch và anh Ph không tin tưởng nhau mà luôn nghi ngờ lẫn nhau, anh Ph thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị Ch. Đã nhiều lần chị Ch viết đơn khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn với anh Ph, cụ thể là năm 1998, năm 2004, vì anh Ph hứa sửa chữa những lỗi lầm, với mục đích cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành và phát triển kinh tế gia đình nên chị Ch đồng ý quay về đoàn tụ với anh Ph. Nhưng khi vợ chồng đoàn tụ thì anh Ph không sửa chữa được khuyết điểm mà còn tiếp tục đánh đập, hành hạ chị Ch, nên năm 2015 chị lại viết đơn xin ly hôn

với anh Ph, Tòa án nhân dân huyện H đã xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ch, chị Ch được ly hôn với anh Ph, anh Ph có đơn kháng cáo, cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của anh Ph, không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ph của chị Ch. Kể từ đó cho đến nay, chị Ch và anh Ph không còn chung sống cùng với nhau nữa mà đã sống ly thân, tự thỏa thuận phân chia tài sản, ăn riêng và không quan tâm, chăm sóc nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng chị Ch, anh Ph trong quá trình chung sống đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cụ thể ngày 26/4/2017 anh Ph đã dùng xe máy tông vào chân chị Ch làm chị Ch gãy chân phải đi bó bột (tại lời khai và chứng cứ nguyên đơn cung cấp), giữa hai vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh ở chính quyền địa phương và một số người, lời khai của đương sự thì xác định: Mâu thuẫn vợ chồng chị Ch và anh Ph đã quá trầm trọng do anh Ph nhiều lần có hành vi đánh đập, xúc phạm chị Ch. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Ch và anh Ph không còn yêu thương nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ch là hoàn toàn chính đáng, có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch xin được ly hôn với anh Ph.

[2.2]. Về con chung: Các con của anh, chị đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được, chị Ch không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[2.3]. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị Ch khai anh, chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết, nếu sau này chị Ch và anh Ph có tranh chấp về tài sản thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ch là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5].*Về quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị Ch và anh Bùi Văn Ph được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Ch đề ngày 22 tháng 02 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03 tháng 3 năm 2017:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ch được ly hôn với anh Bùi Văn Ph.

2.Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, nên không đề cập.

3.Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc chị Phạm Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm *(Ly hôn sơ thẩm)* là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số: AA/2010/0006168 ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Phạm Thị Ch đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2017) chị Phạm Thị Ch có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (*Mười lăm*) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh,
-VKSND huyện,
-Chi cục THADS huyện,
-Các đương sự;
-UBNDTT Đ;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Kim Anh